

BIÊN BẢN

Niêm yết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 10 tháng 04 năm 2025

Tại Trường Tiểu học Tân An

Thành phần gồm có:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. Bà: Trương Thu Thùy | Hiệu trưởng - Bí thư Chi bộ |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Loan | P.Hiệu trưởng - Thư ký |
| 3. Bà: Vương Thị Tuyết Hạnh | P.Hiệu trưởng |
| 4. Bà: Trần Thị Cẩm Tú | GVDL - Thanh tra nhân dân |
| 5. Bà: Lê Thị Mỹ Phượng | Kế toán |

Tiến hành lập biên bản về việc Niêm yết công khai về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 của trường tiểu học Tân An bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc. (đính kèm bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước quý 1/2025)

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 h30 phút ngày 10 tháng 04 năm 2025

Thực hiện niêm yết công khai Niêm yết công khai về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 tại bảng thông báo của nhà trường .

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 09h cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

ĐẠI DIỆN BAN TTND

THƯ KÝ

HIỆU TRƯỞNG


Trần Thị Cẩm Tú


Nguyễn Thị Hồng Loan




Trương Thu Thùy

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân An, ngày 19 tháng 11 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		2.696.043.598		
I	Nguồn ngân sách trong nước		2.696.043.598		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		2.696.043.598		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		2.510.858.360		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		185.185.238		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 10 tháng 4 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Trương Thu Thùy



Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An

Mã DVQHNS: 1032445

Mã cấp NS: 3

Ngày ký: 03/04/2025 13:20:40
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực XVI
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỔI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000	185.185.238	185.185.238	0	0	0	762.814.762
13	072	00000	363.509.431	10.930.000.000	10.930.000.000	10.930.000.000	11.293.509.431	2.510.858.360	2.510.858.360	0	0	0	8.782.651.871
18	072	00000	0	499.000.000	499.000.000	499.000.000	499.000.000	0	0	0	0	0	499.000.000
Cộng:			363.509.431	12.377.000.000	12.377.000.000	12.377.000.000	12.740.509.431	2.696.043.598	2.696.043.598	0	0	0	10.044.405.833
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 3 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thắm

Người ký: Tuấn Lê
Ngày ký: 03/04/2025 13:20:40
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Mỹ Phương
Ngày ký: 02/04/2025 09:20:29
Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An

Người ký: Trương Thị Thuý
Ngày ký: 02/04/2025 09:21:47
Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An

Tin01 Le trung

Lê Thị Mỹ Phương

Trương Thu Thùy



Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An

Mã ĐVQHNS: 1032445

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 15/04/2025 15:19:06
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Kho bạc Nhà nước Khu
vực XVI
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	1.235.871.000	1.235.871.000	1.235.871.000	1.235.871.000
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	78.972.000	78.972.000	78.972.000	78.972.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	23.517.000	23.517.000	23.517.000	23.517.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	365.071.590	365.071.590	365.071.590	365.071.590
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	192.825.291	192.825.291	192.825.291	192.825.291
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	282.539.825	282.539.825	282.539.825	282.539.825
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	48.435.398	48.435.398	48.435.398	48.435.398
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	32.290.267	32.290.267	32.290.267	32.290.267
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	16.145.133	16.145.133	16.145.133	16.145.133
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	25.135.104	25.135.104	25.135.104	25.135.104
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	1.333.080	1.333.080	1.333.080	1.333.080
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	6.733.800	6.733.800	6.733.800	6.733.800
Khấu hao văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	2.780.000	2.780.000	2.780.000	2.780.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	23.233.000	23.233.000	23.233.000	23.233.000
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cấp truyền hình, cước phí	13	072	6605	00000	0	0	2.421.000	2.421.000	2.421.000	2.421.000

Internet, thuê đường truyền mạng									
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	4.500.000	4.500.000	4.500.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	072	6751	00000	0	0	18.900.000	18.900.000	18.900.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	83.328.000	83.328.000	83.328.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	13.623.001	13.623.001	13.623.001
Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000	0	0	18.894.071	18.894.071	18.894.071
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	32.905.800	32.905.800	32.905.800
Chi khác	12	072	6449	00000	0	0	75.185.238	75.185.238	75.185.238
Chi các khoản khác	12	072	7799	00000	0	0	110.000.000	110.000.000	110.000.000
				Cộng:	0	0	2.696.043.598	2.696.043.598	2.696.043.598
Phần KBNN ghi:									

Ghi chú: KBNN ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 3 tháng 4 năm 2025
Kế toán
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Phạm Thị Thắm
Người ký: Tim01 Le trung
Ngày ký: 02/04/2025 13:15:06
Đơn vị: Khoa học Nhà nước Khoa học XVI
Tim01 Le trung

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 2 tháng 4 năm 2025
Kế toán trưởng
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Mỹ Phương
Ngày ký: 02/04/2025 09:21:04
Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An
Lê Thị Mỹ Phương

Người ký: Trương Thu Thủy
Ngày ký: 02/04/2025 09:21:53
Đơn vị: Trường Tiểu học Tân An
Trương Thu Thủy

BIÊN BẢN

Về việc kết thúc niêm yết dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 12 tháng 05 năm 2025

Tại Trường tiểu học Tân An ;

Thành phần gồm có

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. Bà: Trương Thu Thùy | Hiệu trưởng - Bí thư Chi bộ |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Loan | P.Hiệu trưởng - Thư ký |
| 3. Bà: Vương Thị Tuyết Hạnh | P.Hiệu trưởng |
| 4. Bà: Trần Thị Cẩm Tú | GVDL - Thanh tra nhân dân |
| 5. Bà: Lê Thị Mỹ Phượng | Kế toán |

Đã tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 của trường tiểu học Tân An.

Trong thời gian công khai 30 ngày không có ý kiến cần xác minh, giải trình đối với dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025.

Biên bản lập xong lúc 9h giờ cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

ĐẠI DIỆN BAN TTND



Trần Thị Cẩm Tú

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Loan

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thu Thùy